

# Xu hướng và chính sách kiềm chế lạm phát của Việt Nam trong thời gian tới

Bùi Thị Nguyệt Dung

**N**ăm 2010 là năm cuối thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 đồng thời cũng là năm diễn ra nhiều sự kiện quan trọng của đất nước, trong đó nổi bật và quan trọng nhất là Đại hội Đảng các cấp tiến đến Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng. Thực hiện thắng lợi kế hoạch năm 2010 không chỉ có ý nghĩa quan trọng để góp phần hoàn thành các mục tiêu và nhiệm vụ của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 mà còn tạo điều kiện thuận lợi để tiếp tục duy trì ổn định kinh tế, chính trị, xã hội và các tiền đề cho phát triển đất nước trong giai đoạn tới.

Về triển vọng, Việt Nam vẫn duy trì được nhịp độ tăng trưởng khá cao so với các nước trong khu vực và sẽ kiềm chế được mức lạm phát vừa phải, tuy một mặt bằng giá mới trong nước và thế giới vẫn đang hình thành và sẽ ổn định ở mức khá cao. Trong đó: Sẽ tiếp tục có sự giảm giá các hàng trong diện cắt giảm thuế trong khuôn khổ WTO gắn với thị trường và cạnh tranh đầy đủ; Sẽ có sự tăng giá ở những mặt hàng thuộc diện được "giải phóng" khỏi sự kiểm soát giá cả từ phía nhà nước, như điện, xăng dầu, thuốc và sắt thép, cũng như các dịch vụ dân sinh, nhất là các dịch vụ đô thị...; Giá các mặt hàng lương thực, thực phẩm sẽ vừa phụ thuộc nhiều vào thời tiết và sâu bệnh ở trong nước, vừa phụ thuộc giá thế giới.

Động thái lạm phát trong thời gian tới ở Việt Nam phụ

thuộc trực tiếp vào: Cân đối cung-cầu, nhất là hàng hoá lương thực - thực phẩm và nguyên liệu sản xuất; Khả năng trả nợ đúng hạn và sự lành mạnh của các khoản nợ tín dụng đã cấp; Chi phí sản xuất "đầu vào" của các hàng hoá và dịch vụ cung ứng từ nguồn trong nước và từ nguồn nhập khẩu; Sự chênh lệch tỷ giá giữa đồng VNĐ với đồng USD và các đồng ngoại tệ khác trên thị trường chính thức và thị trường tự do, cũng như biến động tỷ giá hối đoái của các đồng tiền chủ chốt và khủng hoảng nợ do thâm hụt ngân sách của nhiều nước như là hệ quả các gói kích thích kinh tế; Ngoài ra, mức độ gia tăng và tác động của lạm phát đến đời sống kinh tế-xã hội còn tùy thuộc khá nhạy cảm vào hệ quả và khả năng phối hợp đồng bộ, linh hoạt các chính sách và những yếu tố tâm lý xã hội khác của Việt

Nam, trong đó có công tác dự báo, thông tin và yếu tố tin đồn...

Trong thời gian tới các nhân tố chủ yếu gây tác động mạnh đến triển vọng lạm phát ở Việt Nam:

- Chính sách tài chính-tiền tệ và sự lành mạnh của thị trường tài chính-tín dụng trong nước

- Cân đối cung-cầu những hàng hoá tiêu dùng thiết yếu, nhất là gạo, lương thực và thực phẩm khác, đặc biệt trong bối cảnh thời tiết không thuận lợi, hạn hán kéo dài

- Các động thái giá cả hàng hoá nguyên liệu ngoại nhập, như xăng, dầu, sắt thép và một số hàng nguyên liệu quan trọng khác của nền kinh tế.

- Các động thái thị trường tài chính quốc tế, nhất là ở các quốc gia-con nợ lớn và sự ổn định của các đồng tiền chủ

chốt trên thế giới, cũng như của giá vàng.

Đặc biệt, có thể thấy, riêng năm 2010, mục tiêu kiềm chế lạm phát trong dưới 7% của Việt Nam như kế hoạch đặt ra là vô cùng khó khăn, nếu không nói là bất khả thi, vì trên thực tế lạm phát trong quý 1/2010 đã đạt quá 50% mức chỉ tiêu phân đầu đặt ra cho cả năm 2010...

Tuy nhiên, điều may mắn là trong bất luận trường hợp nào thì lạm phát cao ngày nay cũng đã khác xa kiểu lạm phát mà Việt Nam đã đối diện trong những năm đầu đổi mới-thời kỳ mà nạn khan hiếm hàng hoá do năng lực sản xuất trong nước yếu kém, tình trạng phong toả, cắt cứ kinh tế và những bất cập về thể chế khác đã gây những thiệt hại và ám ảnh nặng nề cho mỗi cá nhân và toàn xã hội.

### **Một số kiến nghị**

**Thứ nhất**, tuân thủ đúng cả yêu cầu, lẫn quy trình của kinh tế thị trường trong quản lý giá cả.

Cần sớm thiết lập cơ chế thị trường cạnh tranh đầy đủ có sự kiểm soát một cách hiệu quả đối với các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực chưa tự do hóa cao như ngành than và kinh doanh xăng dầu, và một số mặt hàng khác. Đồng thời, cần nâng cao năng lực và hiệu quả trên thực tế của chính phủ

trong công tác giám sát, kiểm soát và xử lý sự độc quyền và các vi phạm về giá từ phía các doanh nghiệp và các bên có liên quan. Trước mắt, cần tăng cường công tác kiểm toán giá và các chi phí kinh doanh của các doanh nghiệp độc quyền hoặc gần như độc quyền để giảm thiểu các chi phí không hợp lý, làm giảm giá thành đầu ra của các sản phẩm của chúng, từ đó giúp giảm giá đầu vào của các doanh nghiệp và người tiêu dùng, góp phần hạ mức giá chung và nâng cao sự lành mạnh của thị trường và sự bình đẳng của xã hội, ngăn chặn hiện tượng lạm dụng trực lợi cá nhân, thậm chí biến độc quyền nhà nước thành độc quyền doanh nghiệp, phường hội và phe nhóm.

**Thứ hai**, coi trọng tính đồng bộ, có trọng tâm các mục tiêu, loại công cụ chính sách và sự phối hợp ăn khớp cần có giữa các cơ quan chức năng hữu quan, linh hoạt và phối hợp đồng bộ các công cụ và hoạt động quản lý, giữa yêu cầu thắt chặt với nới lỏng tài chính-tiền tệ, đảm bảo an toàn và hiệu quả vốn đầu tư.

Tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, thận trọng, bảo đảm lượng tiền và phương tiện thanh toán trong lưu thông phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế, trước hết bảo đảm tốc độ tăng trưởng tín dụng

khoảng 25% và tổng phương tiện thanh toán khoảng 20% trong năm 2010.

Điều hành linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ theo nguyên tắc thị trường, bảo đảm phù hợp với mục tiêu phát triển và điều kiện thực tế của thị trường tài chính, tiền tệ và nền kinh tế. Điều hành tỷ giá và thị trường ngoại hối linh hoạt trong mối quan hệ với lãi suất giữa tiền Việt Nam và ngoại tệ, chỉ số giá tiêu dùng, cán cân thương mại và các kênh đầu tư khác theo hướng ổn định, góp phần khuyến khích xuất khẩu, hạn chế nhập siêu, huy động được các nguồn ngoại tệ hiện chưa thu hút được từ doanh nghiệp và các tầng lớp dân cư, kiều hối, tiền gửi từ bên ngoài vào Việt Nam, cải thiện cán cân thanh toán quốc tế, tạo điều kiện để tăng dự trữ ngoại hối.

Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức tín dụng, nhất là các ngân hàng thương mại nhà nước tiết kiệm chi phí hoạt động, giảm dần mặt bằng lãi suất cho vay đến mức thị trường chấp nhận được, thực hiện cho vay theo cơ chế lãi suất thoả thuận đối với dự án sản xuất, kinh doanh có hiệu quả theo Nghị quyết của Quốc hội, nhằm tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, nhất là khu vực nông nghiệp nông thôn, doanh nghiệp xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, vay

được vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh.

Chi đạo các ngân hàng thương mại cho vay ngoại tệ để nhập khẩu theo hướng tập trung ngoại tệ cho vay đối với những mặt hàng thiết yếu cho sản xuất mà trong nước chưa sản xuất được; hạn chế việc cho vay ngoại tệ để nhập khẩu những mặt hàng không khuyến khích nhập khẩu.

Chi đạo các ngân hàng thương mại kiểm soát việc sử dụng ngoại tệ, chuyển ngoại tệ ra nước ngoài của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; thực hiện các biện pháp tăng cường thu hút kiều hối, tiền gửi từ bên ngoài vào Việt Nam, giám sát việc sử dụng và chuyển ngoại tệ ra nước ngoài theo đúng quy định.

Chủ động áp dụng các biện pháp cần thiết để nâng cao hiệu quả, chất lượng tín dụng và năng lực tài chính của các tổ chức tín dụng; Kiểm soát chặt chẽ hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để đánh giá thực trạng hoạt động của từng tổ chức tín dụng và của toàn bộ hệ thống các tổ chức tín dụng để có phương án xử lý kịp thời khi cần thiết; đồng thời điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách về huy động vốn, tín dụng, bảo đảm an toàn hoạt động kinh doanh, phù hợp với thông lệ, chuẩn

mục quốc tế và điều kiện thực tế của nước ta, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh của các ngân hàng thương mại trong nước.

Muốn vậy, cần đảm bảo an toàn, hiệu quả kinh doanh của tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật về cho vay, đảm bảo tỷ lệ an toàn kinh doanh, quản lý ngoại hối; Kiểm soát chặt chẽ tăng trưởng tín dụng và chuyển dịch mạnh cơ cấu tín dụng theo ngành, lĩnh vực, địa bàn thành thị và nông thôn, kỳ hạn và khách hàng vay, đáp ứng vốn cho các nhu cầu vay để sản xuất kinh doanh có hiệu quả, trong đó tập trung các nguồn vốn cho vay sản xuất nông - lâm nghiệp, thủy sản, diêm nghiệp, thu mua nông sản, chế biến và xuất khẩu, cân bằng hơn giữa cho vay đầu tư xuất khẩu với cho vay phát triển thị trường trong nước; hạn chế cho vay các nhu cầu vốn thuộc các lĩnh vực phi sản xuất; Đồng thời, thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, xử lý lãi suất tiền vay và tiếp tục cho vay mới đối với các doanh nghiệp, hộ sản xuất bị thiệt hại do thiên tai, bão lụt... để khách hàng vay có điều kiện sản xuất, kinh doanh phù hợp với quy định của pháp luật về cho vay vốn của các tổ chức tín dụng, thúc đẩy sự phát triển dựa trên năng suất, chất lượng và hiệu quả, trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh chung

của đất nước, của ngành và đơn vị mình theo nguyên tắc thị trường, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu, đáp ứng cả thị trường trong nước và nước ngoài. Ngoài ra, cần tiếp tục hoàn thiện và tăng cường việc kiểm tra, giám sát, thanh tra thực hiện các quy định về cho vay và kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh về hoạt động tín dụng. Cần có sự phối hợp liên ngành chủ động, ăn khớp và thường xuyên, cũng như cần có sự đồng bộ, nhất quán hơn giữa việc ban hành, triển khai, giám sát, kiểm tra và chế tài hiệu quả các vi phạm chính sách trên thực tế, nhất là trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, đặc biệt trong việc sử dụng các công cụ lãi suất, hạn mức tín dụng, dự trữ bắt buộc, dự trữ ngoại hối và chính sách thuế, chính sách nợ chính phủ. Chính phủ cần có nhiều chế tài đối với các vi phạm về giá đủ sức răn đe. Tăng cường quản lý nợ công, coi trọng hiệu quả vay và sử dụng các khoản nợ. Đẩy mạnh chống tham nhũng và lãng phí trong chi tiêu công.

Tiếp tục tập trung cải cách thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm, gắn với công tác kiểm tra giám sát, cải thiện môi trường kinh doanh, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân đầu tư, phát triển sản xuất kinh

doanh; Kiểm soát chặt chẽ nợ quá hạn, nhất là nợ xấu, đảm bảo an toàn hệ thống tài chính, tiền tệ; Kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng công tác tham mưu về chính sách phát triển kinh tế, các hoạt động quản lý hành chính nhà nước, điều tiết thị trường và thực hiện quyền chủ sở hữu nhà nước, cũng như nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả đầu tư nhà nước; Bảo đảm tính đồng bộ, nhất quán và hiệu quả của hệ thống cơ chế, chính sách, đặc biệt là sự nhất quán giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ quốc gia.

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan, liên quan, các Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, trực thuộc Trung ương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát tình hình thị trường tiền tệ và thị

trường vàng để có biện pháp điều chỉnh, xử lý kịp thời để bảo đảm ổn định, an toàn của hệ thống ngân hàng và dịch vụ tài chính.

**Thứ ba,** tăng cường công tác thông tin, dự báo và phản biện chính sách xã hội trước các biến động nhanh chóng của thị trường

Dự báo tốt giúp các cơ quan quản lý nhà nước nâng cao hiệu quả điều hành thực tiễn. Còn việc bám sát thực tiễn điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước sẽ giúp công tác dự báo thêm cơ sở tin cậy và mềm dẻo, chính xác hơn. Tăng cường sự phối hợp các hoạt động và cơ quan dự báo với giám sát, bao gồm cả giám sát chuyên ngành với giám sát hợp nhất, tổng thể toàn thị trường để cảnh báo sớm rủi ro và xử lý một cách hiệu quả

những vấn đề mới phát sinh, nhất là các rủi ro chéo, tránh các đổ vỡ dây chuyền và bất ngờ. Việc dự báo, đánh giá tác động 2 mặt tích cực và tiêu cực cả về xu hướng định tính, lẫn về định lượng của việc áp dụng các chính sách và định mức cụ thể trong quá trình điều hành kinh tế vĩ mô của nhà nước là rất quan trọng, nhất là với những mặt hàng đầu vào nhạy cảm của đời sống kinh tế-xã hội đất nước. Ngoài ra, cần đảm bảo tính chuyên nghiệp và sự phối hợp ăn khớp cần có giữa các cơ quan chức năng và các loại công cụ dự báo, giữa công tác dự báo với công tác tổ chức thực hiện. Cần nhấn mạnh rằng, việc ngăn chặn các tin đồn liên quan đến chính sách tỷ giá và thị trường tài chính-tiền tệ ở Việt Nam sẽ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

## Tháng 9/2010, giá vàng...

(Tiếp theo trang 73)

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2010 tăng 1,31% so với tháng trước-đây là mức tăng cao nhất trong sáu tháng qua kể từ tháng 3/2010 trở lại đây. Như vậy, chỉ số giá tiêu dùng bình quân 9 tháng đầu năm 2010 tăng 8,64% so với bình quân chín tháng năm 2009. Nhà đầu tư lo ngại lạm phát còn tăng cao hơn khi các động thái chính sách cho thấy Việt Nam đang theo đuổi mục tiêu tăng trưởng 7%, điều này đồng nghĩa với khả năng cung tiền

sẽ được mở rộng hơn, tỷ giá sẽ tăng cao và cộng hưởng đẩy giá vàng đi lên.

- Do tâm lý kiếm lời: Do dự đoán rằng khi giá vàng liên tục lập kỷ lục mới thì sau đó thường giảm nhẹ nên giới đầu tư vàng cũng tăng nhu cầu vay vàng để bán giá cao, rồi chờ vàng giảm giá mua lại trả nợ Ngân hàng, hưởng chênh lệch.

- Ảnh hưởng từ tỷ giá VND/USD: Không chỉ được đẩy lên bởi giá vàng thế giới,

giá vàng trong nước ngày 29/09 tăng mạnh còn được cho là do giá USD thị trường tự do leo thang. Sau vài ngày ổn định ở mức 19.540 đồng, giá mua bán ra đồng USD tại Hà Nội đã vọt lên mức 19.640 đồng (mua vào) và 19.680 đồng (bán ra), tăng 20 đồng so với ngày hôm trước sau khi đã tăng tới 40 đồng một ngày trước đó và điều này tạo đà tâm lý đẩy giá vàng trong nước tăng mạnh lập nên mức cao kỷ lục mới.